

BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC HẠN CHẾ
KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

TỈNH VĨNH LONG

CÀNG LONG

TỈNH SÓC TRĂNG

TIỂU CẦN

CHỈ DẪN

I - VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

Vùng hạn chế	Khu vực hạn chế	Ký hiệu	Đặc điểm, phạm vi hạn chế
Vùng hạn chế 1	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước: Holocen)		Khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn của các tầng chứa nước (tầng chứa nước: Pleistocen trên)
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước: Pleistocen trên)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước: Pleistocen giữa - trên)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước: Pleistocen dưới)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước: Pliocen giữa)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước: Pliocen dưới)		
Vùng có ít nhất 1 tầng chứa nước nhạt không phải hạn chế khai thác	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước: Miocen trên)		Vùng có tất cả các tầng chứa nước mặn (không đánh giá)
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước: Miocen trên)		

II - CÔNG TRÌNH KHAI THÁC:

II.1 - Công trình không thuộc vùng hạn chế khai thác:

- Công trình/Giếng khai thác đã được cấp phép:
SH: Số hiệu điểm điều tra
TCN: Tầng chứa nước khai thác
- Công trình/Giếng khai thác chưa được cấp phép:
SH: Số hiệu điểm điều tra
TCN: Tầng chứa nước khai thác

II.2 - Công trình thuộc vùng hạn chế khai thác:

- Công trình/Giếng khai thác đã được cấp phép và thuộc vùng hạn chế:
SH: Số hiệu điểm điều tra
TCN: Tầng chứa nước khai thác
- Công trình/Giếng khai thác chưa được cấp phép và thuộc vùng hạn chế:
SH: Số hiệu điểm điều tra
TCN: Tầng chứa nước khai thác

III - CÁC ĐƯỜNG RANH GIỚI

Ranh giới mặn 1,5g/l của các tầng chứa nước
(nét gạch chỉ phía nước mặn):

- Tầng chứa nước Holocen
- Tầng chứa nước Pleistocen trên
- Tầng chứa nước Pleistocen dưới
- Tầng chứa nước Pliocen giữa
- Tầng chứa nước Miocen trên

Ranh giới các vùng/ khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất

IV - CÁC KÝ HIỆU KHÁC

- Đường ranh giới xã/phường/ TT
- Đường ranh giới huyện/ thị xã/ thành phố
- Đường ranh giới tỉnh
- Đường nhựa
- Đường rải gạch đá
- Đường đất lùn
- Sông, suối
- Đường đồng mức địa hình và giá trị (m)
- Điểm dự cao và giá trị (m)

TỶ LỆ 1:25.000

Thước kẻ: 0 100 200 300 400 500 600 700 800 900 1000
Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trung tâm 105° 30', múi 3°

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH	TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA LIÊN ĐOÀN QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC MIỀN NAM
		Bản vẽ số: Tỷ lệ 1: 25.000 Năm 2024
		Tên bản vẽ: Bản đồ phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất, huyện Cầu Kè
		Người thành lập: CN. Nguyễn Văn Quý
		Người kiểm tra: THS. Ngô Văn Đạt
		Liên đoàn trưởng